

**KẾT LUẬN  
CỦA BAN BÍ THƯ**

**về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020  
của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác  
phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai**

-----

Sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư, công tác lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém: Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách còn những khoảng trống; quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị, nông thôn và tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức... chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phòng, chống thiên tai; công tác dự báo, theo dõi, cảnh báo thiên tai chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều cơ sở hạ tầng, đê điều, hồ đập, giao thông... chưa có khả năng chống chịu với thiên tai cực đoan; công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ còn hạn chế; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị còn nhiều bất cập; trang thiết bị chuyên dùng, vật tư, hàng hoá dự trữ chưa phù hợp với yêu cầu thực tế.

Dự báo biến đổi khí hậu, tình hình thiên tai ngày càng phức tạp, khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của Nhân dân và sự phát triển của đất nước. Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế và chủ động hơn trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, Ban Bí thư yêu cầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Chỉ thị số 42-CT/TW, đồng thời tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, đơn vị tăng cường quán triệt sâu sắc quan điểm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, tôn trọng quy luật tự nhiên, bảo đảm phát triển bền vững; gắn yêu cầu phòng, chống thiên tai, bảo tồn tự nhiên với việc hạch toán đầu tư các dự án, công trình đầu tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm và rõ kết quả.

2. Trong năm 2026, cơ bản hoàn thành việc rà soát, thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng thành văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai, các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, chỉ tiêu thiết kế đối với hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là đê điều, hồ đập, công trình thoát lũ, hạ tầng năng lượng, thông tin liên lạc... bảo đảm đủ năng lực chống chịu với các thiên tai cực đoan; sửa đổi, bổ sung quy hoạch hệ thống kho tàng, các quy định về danh mục, xuất, cấp hàng dự trữ quốc gia đáp ứng kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai; hoàn thiện các quy định về xử lý, giải quyết trong tình huống khẩn cấp; điều chỉnh các quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ chứa thủy điện, thủy lợi, trong đó phải ưu tiên dành dung tích hữu ích của hồ để cắt lũ cho hạ du; có cơ chế huy động nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và khuyến khích, hỗ trợ phát triển các quỹ, định chế tài chính, tín dụng tham gia hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai.

Chủ động bổ sung, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai phù hợp với thực tiễn của từng vùng, từng địa phương, đặc biệt là duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục của các cơ sở tránh trú, bệnh viện, trường học, hạ tầng giao thông, điện, thông tin liên lạc... khi xảy ra thiên tai; đẩy mạnh việc lồng ghép nội dung yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, đầu tư xây dựng đô thị, khu dân cư, công trình hạ tầng; bố trí, sắp xếp lại và nâng cao năng lực ứng phó của các khu dân cư, khu du lịch ở các vùng có nguy cơ cao chịu tác động của thiên tai; tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, bảo đảm khả năng tiêu, thoát lũ.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số để thích ứng, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, coi đây là giải pháp then chốt đột phá. Tăng đầu tư cho nghiên cứu cơ bản về các loại hình thiên tai, xây dựng cơ sở khoa học và các mô hình dự báo tiên tiến; hiện đại hoá hệ thống quan trắc, giám sát đa tầng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái (UAV), mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) và khoa học máy tính phân tích dữ liệu lớn trong dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát, quản lý rủi ro thiên tai. Nghiên cứu triển khai các giải pháp đột phá nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi để thích ứng, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Hoàn thiện, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thiên tai và biến đổi khí hậu; xây dựng nền tảng quản lý thiên tai trên môi trường số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đánh giá, phân vùng rủi ro, cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy trong phòng, chống thiên tai (trong năm 2026).

4. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã, các cơ quan liên ngành phù hợp với năng lực triển khai của mỗi cấp gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai;

rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bảo đảm tính thống nhất, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và năng lực chỉ đạo, điều hành, điều phối liên ngành về phòng, chống thiên tai. Phấn đấu hoàn thành trước tháng 6/2026.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng thu hút đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, thực hiện, tư vấn về phòng, chống thiên tai; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ chuyên trách và các lực lượng tại chỗ ở địa phương.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các quỹ, nguồn viện trợ, tài trợ và sự tham gia đóng góp cả về ý tưởng, nhân lực, tài lực của tổ chức và người dân về thích ứng, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm nguồn lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước cùng tham gia. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện hiện đại, vật tư thiết yếu về y tế, dân sinh phù hợp với yêu cầu công tác cứu nạn, cứu hộ trong từng tình huống thiên tai, từng vùng, từng địa phương, nhất là cho cấp xã khu vực có nguy cơ cao, thường xuyên bị chia cắt. Ưu tiên bố trí ngân sách để tập trung khắc phục, xử lý khẩn cấp triệt để các sự cố đê điều, hồ chứa nước xung yếu, hạ tầng giao thông, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục...

Rà soát, ưu tiên nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và nguồn dự phòng ngân sách hằng năm để tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình tổng thể, dự án trọng điểm về phòng, chống thiên tai; đề xuất các giải pháp đồng bộ, đa mục tiêu theo hướng hiện đại, thông minh, đủ khả năng chống chịu trước thiên tai trong mọi tình huống, trong đó ưu tiên nguồn lực cho các dự án đầu tư công trọng điểm: (i) Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, trọng tâm là dân cư sinh sống ở các vùng sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, ven biển. (ii) Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, trọng tâm là hệ thống đê sông, đê biển, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn chống lũ, bão thiết kế, phấn đấu chống được lũ, bão lịch sử và cao hơn. Đẩy mạnh đầu tư dự án lấn biển kết hợp phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội tại một số địa phương. (iii) Dự án phòng, chống ngập lụt đối với một số khu vực đô thị lớn thường xuyên bị ngập lụt.

6. Đổi mới, đa dạng hoá công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, cộng đồng và người dân, hướng đến thay đổi nhận thức, hành vi trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Chú trọng nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tổ chức việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho cán bộ, đảng viên, nhất là ở các thôn, bản, vùng sâu, vùng xa; kỹ năng nhận biết các tình huống khẩn cấp và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho người dân.

7. Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong các phân tích, dự báo xu hướng biến đổi khí hậu, thời tiết, dự báo thiên tai và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Tích cực tham gia các sáng kiến, cam kết quốc tế về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước.

## 8. Tổ chức thực hiện

- Giao Đảng uỷ Quốc hội phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định pháp luật có liên quan.

- Giao Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai, ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; chủ trì, phối hợp với Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng và các cơ quan liên quan đưa các dự án đầu tư công trọng điểm quốc gia vào Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

- Giao các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 42-CT/TW và Kết luận này; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

- Giao Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận này.

- Giao Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; vận động các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW và Kết luận này.

- Giao Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết Chỉ thị số 42-CT/TW và Kết luận này, báo cáo Ban Bí thư.

### Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Đảng uỷ các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Vụ Tham mưu tổng hợp (3b),
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



**Trần Cẩm Tú**

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

\*

Số 219-KL/TW

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2025*

## **KẾT LUẬN**

### **CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022  
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp,  
nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

-----

Sau hơn 3 năm triển khai việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đem lại nhiều kết quả tích cực, có ý nghĩa quan trọng bảo đảm an ninh lương thực, ổn định vĩ mô, tăng trưởng kinh tế; nâng cao đời sống người dân ở nông thôn. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém như: Tăng trưởng khu vực nông nghiệp thiếu bền vững, năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh một số sản phẩm chưa cao; nhiều khâu trong sản xuất nông nghiệp chưa ứng dụng sâu các thành tựu khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; thu nhập của phần lớn nông dân còn thấp và chịu nhiều rủi ro do thiên tai, dịch bệnh và biến động thị trường; nhân lực làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và ở nông thôn vừa thiếu, vừa yếu; tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn chậm được khắc phục, thậm chí ở một số nơi còn gia tăng ở mức nghiêm trọng...

Trước bối cảnh thế giới thay đổi nhanh, khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, biến đổi khí hậu, diễn biến thị trường ngày càng phức tạp, tác động rất lớn đến phát triển nông nghiệp, nông thôn, để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, yếu kém, Bộ Chính trị yêu cầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp tiếp tục quán triệt, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 19-NQ/TW; đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục xác định nông nghiệp, nông dân (bao gồm cả ngư dân, diêm dân), nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài, là nền tảng quan trọng bảo đảm ổn định vĩ mô, tăng trưởng bền vững, trong đó nông dân là trung tâm, là chủ thể, là động lực, nguồn lực của quá trình đổi mới; chuyển mạnh sang tư duy sản xuất hàng hoá, đẩy mạnh cơ cấu lại theo hướng phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ,

tuần hoàn, phát thải thấp, bảo vệ môi trường sinh thái; ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số toàn diện; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Nông nghiệp phải đảm bảo an ninh lương thực trong mọi tình huống, góp phần bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Gắn kết chặt chẽ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp.

2. Trong năm 2026, cơ bản hoàn thành việc rà soát, thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng thành các luật và văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm hài hoà lợi ích lâu dài giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Có chính sách đột phá, thu hút, huy động sức mạnh của người dân, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp xanh, sinh thái, kinh tế tuần hoàn và hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, người dân trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng "phên giậu" của Tổ quốc. Nghiên cứu có cơ chế ưu đãi, khuyến khích, thúc đẩy quá trình "xuất khẩu ngành nông nghiệp" để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng, uy tín và vị thế của đất nước.

Ưu tiên đầu tư, thử nghiệm, thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội cho các mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên khoa học - công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng biến đổi khí hậu trong mọi khâu của quá trình sản xuất, bảo quản, chế biến, logistics và thương mại; coi đây là động lực then chốt phát triển nhanh và bền vững nông nghiệp, nông thôn, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng cơ chế hợp tác đa ngành và chuỗi ngành hàng. Cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường và lợi thế của từng địa phương; phát triển hệ sinh thái kinh tế nông nghiệp theo chuỗi đa giá trị bao gồm công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch, kinh tế carbon thấp. Quy hoạch và bảo vệ diện tích đất chuyên trồng lúa có năng suất, chất lượng cao. Quy hoạch và phát triển thương hiệu các ngành hàng chiến lược, chủ lực; các vùng chuyên canh theo tiêu chuẩn bền vững, phát thải thấp; ứng dụng khoa học - công nghệ, công nghiệp chế biến, dịch vụ logistics hiện đại, bảo đảm kiểm soát chất lượng sản phẩm/dịch vụ.

Tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá, thúc đẩy liên kết chặt chẽ "6 nhà". Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, chuyển giao

công nghệ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân với các trường, viện nghiên cứu. Thực hiện có hiệu quả việc bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp phát triển, đến năm 2030 có một số doanh nghiệp nông nghiệp mạnh dẫn đầu khu vực và thế giới, dẫn dắt tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu, xây dựng thương hiệu quốc gia ngành hàng chủ lực. Khuyến khích, tạo điều kiện để các hộ nông dân tham gia phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội, tổ chức ngành, nghề để sản xuất hàng hoá lớn theo chuỗi. Có các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, trang trại.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thuỷ văn, đa dạng sinh học... Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác nguồn lợi thuỷ sản bền vững, hợp pháp, phù hợp chuẩn mực và thông lệ quốc tế, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thuỷ sản trên biển, bảo đảm an toàn khi có bão, nghiên cứu mở rộng áp dụng công nghệ nuôi trồng trên vùng biển xa; có cơ chế khuyến khích hình thành các đội tàu đánh bắt đại dương. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, khai thác hiệu quả giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Chủ động hội nhập quốc tế, tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các cơ chế hợp tác quốc tế để xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm nông nghiệp. Điều chỉnh chính sách về thương mại linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với biến động thị trường. Quan tâm, củng cố thị trường trong nước; rà soát, hoàn thiện, nâng cấp các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm nông nghiệp theo hướng dần tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế để vừa phục vụ tốt hơn người dân trong nước, vừa xuất khẩu.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ để người nông dân dần hình thành tư duy sản xuất kinh tế hàng hoá lớn, chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến; có kiến thức và kỹ năng số, đặc biệt là thương mại điện tử; chủ động thích ứng biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh; có tinh thần trách nhiệm và hợp tác cùng phát triển. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận vốn, tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp; tạo điều kiện để nông dân tham gia khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp ở nông thôn,

hoà nhập vào chuỗi giá trị mới. Ưu tiên bồi dưỡng nguồn nhân lực cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ven biển, hải đảo.

**5. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững.** Hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với cấp tỉnh, cấp xã hiện nay. Tập trung xây dựng, thực hiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính kết nối chặt chẽ, bổ trợ hài hoà, hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái ("làng trong phố, phố trong làng") gắn kết chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc, mở thêm du địa về không gian, nguồn lực mới cho phát triển.

Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân ở nông thôn. Phát huy vai trò của người nông dân là trung tâm, là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu vào quá trình quy hoạch, phát triển bền vững. Tăng cường nguồn lực bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường an toàn, ổn định tại khu vực nông thôn.

**6. Tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thuỷ lợi, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường đồng bộ với các hạ tầng chiến lược khác theo hướng hiện đại, đa mục tiêu; phấn đấu đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn tăng ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020.** Rà soát, đánh giá gắn với quy định cụ thể nhiệm vụ, thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã để thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm không chồng chéo, bỏ sót, phục vụ tốt hơn cho người dân và cộng đồng dân cư nông thôn.

**7. Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.** Tăng cường bảo vệ môi trường nhằm phát triển nông thôn ngày càng xanh, sạch, đẹp, hiện đại, văn minh; đẩy mạnh thu gom, xử lý rác thải, chất thải nguy hại; quyết liệt xử lý ô nhiễm dòng sông, bờ sông; tăng cường điều tiết, phục hồi hệ sinh thái sông, hồ, rừng ngập mặn. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thời tiết, các sự cố, thảm hoạ để chủ động thích ứng, phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân.

## **8. Tổ chức thực hiện**

- Giao Đảng uỷ Quốc hội phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Giao Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình thực hiện và tổ chức triển khai, ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận này.

- Giao các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận này; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

- Giao Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận này.

- Giao Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; vận động các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận này.

- Giao Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận này, báo cáo Bộ Chính trị.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Đảng uỷ các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Vụ Tham mưu tổng hợp (3b),
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



**Trần Cẩm Tú**

